TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Thế Hưng**.**
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Văn Minh.
2. Ông Đào Xuân Tìm.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Bùi Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở TAND huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình T1, sinh năm 1972.

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Lê Thị T2, sinh năm 1973.

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Đình T1 trình bày: Anh và chị Lê Thị T2 được tự do tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/01/1997 tại UBND xã Đ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vào khoảng năm 2003 khi anh mổ ruột thừa thì chị T2 viết đơn ly hôn và gửi ra xã nhưng lúc đó do thương con nên cố nín nhịn cho qua để con có đủ cả bố và mẹ. Sau sự

việc ấy thì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp diễn, vợ chồng hay đánh, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng căng thẳng nhất kể từ năm 2018 khi xây nhà, vợ chông cãi nhau nhiều, không thể hòa giải được. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 2 – 3 năm, mỗi người ở một nhà. Kinh tế giữa vợ chồng không còn chung nhau, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng đã ăn riêng, ở riêng từ lâu. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T2.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đình L, sinh ngày 20/10/1997 và Nguyễn Đình C, sinh ngày 20/11/2001. Vì cháu L đã trưởng thành nên anh không đề nghị giải quyết, còn cháu C có nguyện vọng được ở với mẹ thì anh đồng ý và anh sẽ cấp dưỡng nuôi cháu C cho chị T2 là 1.000.000đ/ 1 tháng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T1 xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải chị Lê Thị T2 trình bày: Chị và anh T1 được tự do tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng đăng ký kết hôn ngày 10/01/1997 tại UBND xã Đ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vào năm 2003 anh T1 mổ ruột thừa, chị có chăm sóc nhưng anh T1 vì câu nói mà lại đánh đuổi chị, nên chị có viết đơn ly hôn nhưng mang ra xã họ không nhận. Sau đó vợ chồng vẫn tiếp tục chung sống với nhau, trong cuộc sống vợ chồng cũng có cãi chửi nhau do mâu thuẫn. Đến năm 2007, khi vợ chồng đi chợ ở Quảng Ninh thì anh T1 có biểu hiện không chung thủy, có quan hệ với người phụ nữ khác, chị có khuyên ngăn nhưng anh T1 không nghe, từ đó anh T1 đối xử không tốt với chị, gây sự với chị nhiều hơn. Từ đó trở đi cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Đến năm 2018, khi anh T1 quyết định xây nhà nhưng chị không đồng ý nên vợ chồng cãi chửi nhau, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng hơn. Vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nhà, kinh tế riêng không còn chung với nhau từ lâu. Tuy nhiên đến nay chị không đồng ý ly hôn với anh T1, mặc dù tình cảm vợ chồng không còn, anh T1 đối xử quá tàn tệ với chị nhưng vì nghĩ thương con, không muốn các con thiếu bố hoặc thiếu mẹ.

Về con chung: vợ chồng tôi có 02 con chung là Nguyễn Đình L, sinh ngày 20/10/1997 và Nguyễn Đình C, sinh ngày 20/11/2001. Vì cháu L đã trưởng thành nên chị không đề nghị giải quyết, còn cháu C có nguyện vọng được ở với chị thì chị xin nuôi cháu C, còn anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu C cho chị là 1.000.000đ/ 1 tháng đến khi cháu đủ 18 tuổi thì chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: chị T2 xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Theo biên bản xác minh tại UBND xã Đ: Anh Nguyễn Đình T1 và chị Lê Thị T2 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 10/01/1997. Trong cuộc sống vợ chồng T1 T2 có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ tình cảm, vợ chồng hay đánh cãi chửi nhau. Anh T1 chị T2 đã sống ly thân từ lâu, ăn riêng, ở riêng, kinh tế riêng.

Theo lời khai của trưởng thôn, chi hội trưởng chi hội phụ nữ thôn và trưởng ban mặt trận tổ quốc thôn của thôn Đ, xã Đ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương cung cấp: Trong cuộc sống vợ chồng T1 T2 có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ tình cảm, vợ chồng hay đánh cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất là kể từ đầu năm 2018 khi vợ chồng xây nhà. Anh T1 chị T2 đã sống ly thân khoảng 3 đến 4 năm, ăn riêng, ở riêng, kinh tế riêng.

Theo lời khai của cháu Nguyễn Đình C cung cấp: Cháu không biết nguyên mâu thuẫn giữa bố mẹ, chỉ thấy bố mẹ hay cãi nhau, bố mẹ đã ăn riêng, ở riêng từ lâu. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Đình T1 có mặt. Chị Lê Thị T2 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Trong quá trình làm việc với Tòa án chị Lê Thị T2 không đồng ý ký vào các biên bản làm việc và từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, do vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại trụ sở UBND xã Đ, nơi cư trú của chị Lê Thị T2 và tại trụ sở TAND huyện Kim Thành theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Kim Thành phát biểu quan điểm xác định những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, bị đơn thực hiện không đúng các quy định của pháp luật. Chị T2 vắng mặt không lý do, đề nghị tòa án áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS xử vắng mặt chị T2.

- Về hướng giải quyết vụ án: đề nghị TAND huyện Kim Thành áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Đình T1 được ly hôn chị Lê Thị T2; Về con chung: giao con Nguyễn Đình C, sinh ngày 20/11/2001 cho chị T2 nuôi dưỡng, anh T1 cấp dưỡng nuôi con cho chị T2 là 1.000.000đ/ 1 tháng đến khi con đủ 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn cư trú tại xã Đ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kim Thành. Chị Lê Thị T2 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt chị T2 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn: Anh Nguyễn Đình T1 và chị Lê Thị T2 được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/1997 tại UBND xã Đ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ vào các lời khai của anh T1, chị T2, các biên bản xác minh, xác định vợ chồng T1 T2 có mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát do tính cách, quan điểm của vợ chồng không phù hợp nên vợ chồng hay cãi nhau, ngoài ra còn việc nghi ngờ nhau về sự chung thủy, chị nghi ngờ anh có quan hệ với người khác nhưng không có chứng cứ, bản thân anh không thừa nhận việc này, nên mâu thuẫn vợ chồng tiếp diễn; mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng căng thẳng nhất khi anh xây nhà trên đất của bố mẹ vào năm 2018, do vợ chồng không đồng nhất về quan điểm nên xảy ra tranh chấp đánh cãi chửi nhau; gia đình đã hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được; anh chị đã ăn riêng, ở riêng, kinh tế riêng, cuộc sống của ai người đấy lo, không quan tâm lo lắng cho nhau và cả hai bên đều xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, Tòa án đã cho anh chị thời gian để hòa giải nhưng anh T1 vẫn kiên quyết xin ly hôn không muốn đoàn tụ, chị T2 cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không chấp nhận một người chồng như anh T1, anh chị không thể quay lại với nhau, tuy nhiên chị không muốn ly hôn chỉ vì không muốn con thiếu bố hay mẹ. Từ những phân tích trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của vợ chồng T1 T2 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T1, xử cho anh T1 được ly hôn chị T2 là phù hợp thực tế và các quy định của Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: anh T1 và chị T2 xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đình L, sinh ngày 20/10/1997 và Nguyễn Đình C, sinh ngày 20/11/2001. Vì cháu L đã trưởng thành nên anh chị không đề nghị giải quyết, còn anh chị đề nghị Tòa án giải quyết cho cháu C ở với chị T2 khi vợ chồng ly

hôn. Xét thấy, cháu C đã trên 7 tuổi và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Anh T1 và chị T2 cùng thống nhất để chị T2 nuôi dưỡng cháu C khi ly hôn. Do vậy, HĐXX giao cháu Nguyễn Đình C cho chị T2 nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 và chị T2 thống nhất anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Đình C cho chị T2 là 1.000.000đ/ 01 tháng đến khi cháu C đủ 18 tuổi, xét thấy sự thống nhất của anh chị phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T1 và chị T2 đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết, còn về nợ chung thì vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, do vậy HĐXX không xem xét.

[7]Về án phí: Nguyên đơn phải chịu cả án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đình T1: Xử cho anh Nguyễn Đình T1 ly hôn chị Lê Thị T2**.**

- Về con chung: Giao con Nguyễn Đình C, sinh ngày 20/11/2001 cho chị Lê Thị T2 trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Đình T1 cấp dưỡng nuôi con cho chị T2 là 1.000.000đ/ 01 tháng, kể từ tháng 5/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. .

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm nom con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà người bị thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Đình T1 phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh T1 đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003867 ngày 17/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành. Anh T1 phải nộp tiếp 300.000đ.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho anh Nguyễn Đình T1 biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho chị Lê Thị T2 biết biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Thế Hưng